

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
MÔN: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP (ĐỢT 3)
(Ngày thi: 11/01/2017)

TT	MSSV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ngành	Ghi chú
1	141061134	Nguyễn Vũ Ngọc	Thảo	24/09/1993	Nữ	7.0	Bảy	DD	L1
2	151059999	Trương Thị Kim	Dung	16/03/1990	Nữ	6.0	Sáu	DS	TL
3	131052001	Vũ Thị Kim	Dung	26/01/1994	Nữ	6.5	Sáu năm	DS	L1
4	131051203	Huỳnh Kim	Hoa	18/05/1980	Nữ	4.5	Bốn năm	DS	TL
5	121052433	Hồ Thị Thanh	Hồng	18/05/1993	Nữ	4.0	Bốn	DS	TL
6	141060323	Dương Thị	Huyền	10/04/1984	Nữ	6.0	Sáu	DS	TL
7	273560609	Nguyễn Đức Hàn	Lợi	01/12/1995	Nam	6.5	Sáu năm	DS	L1
8	121057751	Nguyễn Thành	Luân	24/04/1992	Nam	4.5	Bốn năm	DS	TL
9	141050589	Thiêm Thị Kim	Ngọc	14/05/1991	Nữ	8.0	Tám	DS	TL
10	131051541	Nguyễn An	Nhân	13/08/1985	Nam	0.0	Không	DS	L1 (vắng)
11	151059405	Nguyễn Hoài	Phúc	08/09/1987	Nam	6.0	Sáu	DS	TL
12	141050358	Đoàn Ngọc Liên	Phương	16/08/1995	Nữ	7.0	Bảy	DS	TL
13	151059963	Lê Trúc	Phương	26/06/1990	Nữ	4.0	Bốn	DS	TL
14	141051780	Trần Thị	Thắng	17/02/1990	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	L1
15	131051943	Lê Văn	Toàn	10/04/1988	Nam	0.0	Không	DS	L1 (vắng)
16	141051800	Lê Thị Cẩm	Tú	20/10/1993	Nữ	0.0	Không	DS	L1 (vắng)
17	141050209	Trần Văn	Tùng	02/12/1990	Nam	4.0	Bốn	DS	TL
18	1510510031	Úc Thị Xuân	Tươi	01/05/1993	Nữ	3.5	Ba năm	DS	TL
19	131180690	Đinh Thị Tường	Vi	08/07/1989	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	L1
20	151059967	Võ Thị Hoàng	Vy	19/10/1984	Nữ	6.5	Sáu năm	DS	TL
21	141071650	Dương Tấn	Châu	28/01/1996	Nam	5.0	Năm	YS	TL
22	121072697	Lưu Thành	Đạt	26/10/1983	Nam	8.0	Tám	YS	TL
23	141080851	Trần Quốc	Đông	24/07/1996	Nam	7.0	Bảy	YS	TL
24	121022235	Phạm Thị Mỹ	Duyên	21/09/1997	Nữ	0.0	Không	YS	L1 (vắng)
25	121078259	Nguyễn Thị Ngân	Giang	10/05/1987	Nữ	5.0	Năm	YS	TL
26	153079991	Đặng Thị Minh	Giao	28/01/1979	Nữ	8.0	Tám	YS	L1
27	141070956	Nguyễn Quang	Hiền	24/04/1996	Nam	5.0	Năm	YS	TL
28	141050165	Đào Huy	Hiệu	01/09/1991	Nam	8.0	Tám	YS	L1
29	25499682	Nguyễn Thị Kim	Hoa	23/05/1996	Nữ	7.0	Bảy	YS	L1
30	141060310	Trần Thị	Hoài	22/04/1983	Nữ	6.0	Sáu	YS	L1
31	121077644	Nguyễn Vũ	Linh	12/10/1991	Nam	5.0	Năm	YS	TL
32	111073904	Ngô Phúc	Lộc	23/08/1988	Nam	5.0	Năm	YS	TL
33	131051536	Lương Thị Kim	Ngân	18/11/1997	Nữ	7.0	Bảy	YS	TL
34	141071129	Nguyễn Thị	Ngân	06/07/1996	Nữ	6.0	Sáu	YS	L1
35	141070721	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	28/11/1985	Nữ	5.0	Năm	YS	L1
36	141070784	Triệu Thị Thanh	Nhi	21/01/1996	Nữ	7.0	Bảy	YS	TL
37	131061548	Nguyễn Thị	Phận	26/02/1995	Nữ	5.0	Năm	YS	TL

TT	MSSV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ngành	Ghi chú
38	131072533	Ngô Minh Bá	Phước	04/03/1973	Nam	8.0	Tám	YS	L1
39	121079437	Trần Lâm Đa	Phương	11/01/1991	Nam	6.0	Sáu	YS	TL
40	141070745	Phạm Thị Thiên	Thương	12/09/1994	Nữ	7.0	Bảy	YS	L1
41	141070202	Trần Tuyết Mộng	Trân	20/04/1980	Nữ	6.0	Sáu	YS	TL
42	141071138	Thị	Tươi	04/09/1990	Nữ	6.0	Sáu	YS	TL
43	141070807	Ngô Quốc	Việt	31/03/1995	Nam	7.0	Bảy	YS	TL
44	141070215	Nguyễn Thành	Vinh	20/12/1983	Nam	6.0	Sáu	YS	TL
45	141070217	Võ Ngọc Như	Ý	04/04/1994	Nữ	7.0	Bảy	YS	L1
46	141071812	Phạm Đăng Trí	Bảo	28/10/1996	Nam	8.0	Tám	YSCT	L1
47	22257362	Lê Xuân	Bính	12/09/1969	Nam	5.0	Năm	YSCT	L1
48	141070565	Phạm Văn	Bình	19/05/1996	Nam	6.0	Sáu	YSCT	L1
49	141070615	Đoàn Minh	Châu	12/06/1964	Nam	7.5	Bảy năm	YSCT	L1
50	141020979	Mạc Văn	Đăng	31/03/1965	Nam	7.0	Bảy	YSCT	L1
51	141070623	Phạm Văn	Đường	08/01/1986	Nam	8.0	Tám	YSCT	L1
52	141071813	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	20/08/1995	Nữ	6.0	Sáu	YSCT	L1
53	141070958	Đỗ Hữu Trung	Hiếu	14/11/1994	Nam	6.0	Sáu	YSCT	L1
54	025660826	Hoàng Thị	Huyền	16/06/1990	Nữ	6.0	Sáu	YSCT	L1
55	141071522	Triệu Ngọc	Khánh	05/05/1992	Nam	5.0	Năm	YSCT	L1
56	142077736	Đỗ Văn Anh	Kiệt	10/06/1973	Nam	6.0	Sáu	YSCT	L1
57	131070947	Trần Hoài	Nam	24/01/1998	Nam	7.0	Bảy	YSCT	L1
58	141070639	Lý Thị	Nga	22/01/1973	Nữ	8.0	Tám	YSCT	L1
59	141071814	Cao Văn	Nghĩa	26/07/1994	Nam	0.0	Không	YSCT	L1 (vắng)
60	142078031	Nguyễn Văn	Phát	05/02/1976	Nam	7.0	Bảy	YSCT	L1
61	141070266	Huỳnh Thanh	Phong	08/10/1992	Nam	6.0	Sáu	YSCT	L1
62	141070847	Đặng Thanh	Sơn	27/10/1977	Nam	6.0	Sáu	YSCT	L1
63	141070281	Nguyễn Đức	Thiên	06/06/1982	Nam	6.0	Sáu	YSCT	L1
64	141070298	Nguyễn Văn	Tùng	22/12/1983	Nam	7.0	Bảy	YSCT	L1
65	141070605	Lê Chí	Tuyền	07/08/1996	Nam	6.0	Sáu	YSCT	L1
66	251225783	Nguyễn Thanh	Tuyền	17/08/1991	Nữ	6.0	Sáu	YSCT	L1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2017

CT. HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

TRƯỞNG BAN CHẤM THI

(Đã ký)

KIỂM TRA

(Đã ký)

ThS. NGUYỄN ĐÌNH MẠNH

ThS. LÊ LỘC ĐÀI TRUNG

LÊ ĐỨC ANH